TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2017
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thản
2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh P, sinh năm: 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 22, ấp XM 1, xã TP, huyện GD, tỉnh T N.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp CX, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-7-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lê Minh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H chung sống với nhau vào tháng 02-2001, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD, tỉnh TN. Sau khi cưới anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh. Đến tháng 6-2003, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tiền bạc nên vợ chồng cải nhau, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột đến nay. Anh có gặp chị H thuyết phục để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Anh chị sống ly thân từ tháng 6-2003 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lê Thị HH, sinh ngày 24-4-2003, hiện cháu HH đang sống với chị hiền. Anh đồng ý giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị H; về con chung: Giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh P không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh P không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Anh P khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này chị H có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Lê Minh P có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh P và chị H là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là không tin tưởng nhau về tiền bạc nên anh chị thường xuyên cải nhau. Tháng 6-2003, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Còn chị H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh P và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

[3] Qua xác minh bà Trần Thị L là mẹ ruột của chị H thể hiện: Hiện nay chị H đang đi làm xa và thường xuyên về nhà sống cùng vợ chồng bà từ cuối năm 2003 đến nay, nên mọi giấy tờ Tòa án giao bà đều thông báo lại cho chị H. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh P và chị H có 01 người con chung là Lê Thị HH, sinh ngày 24-4-2003, hiện cháu HH đang sống với chị H. Xét nguyện vọng của cháu HH thì cháu muốn sống với chị H, anh Phụng cũng đồng ý giao cháu HH cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, nên cần giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh P khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này chị H có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Anh P phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh P đối với chị Lê Thị H. Anh P được ly hôn với chị H.

2. *Về con chung*: Giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị HH, sinh ngày 24-4-2003. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền, nghĩa vụ trông nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh P khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này chị H có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí*: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩn ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Phụng đã nộp theo biên lai thu số 0012359 ngày 18-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Anh P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh P, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã TP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An